

Pho Keu - Gíaoi
2 - 2 phomg
2 - Lelu Vhuu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: 22 /2012/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 22 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ về tổ chức, hoạt động
và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH QUẢNG BÌNH

ĐẾN Số: 157
Ngày: 22/8/2012
Chuyên: Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11

năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất;

Căn cứ Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 5 tháng 9 năm 2011 của UBND Tỉnh về việc thành lập Quỹ phát triển đất tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại công văn số 744/STC-HCSN ngày 23 tháng 4 năm 2012 và Giám đốc Sở Nội vụ tại công văn số 388/SNV-TC, ngày 24 tháng 4 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TC, Bộ TN&MT;
- Cục Quản lý Công sản (Bộ TC);
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ TP);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn DBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- UBND TTQVN Tỉnh;
- Ban Kinh tế NS HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Website tỉnh, Công báo tỉnh;
- Đài PTTH, Báo Quảng Bình;
- Lưu VT, TM.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Hoài

**ĐIỀU LỆ VỀ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG VÀ QUY CHẾ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG
QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH QUẢNG BÌNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **22** /2012/QĐ-UBND
ngày **22** tháng 08 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Điều lệ và Quy chế này quy định về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình (sau đây gọi tắt là Điều lệ và Quy chế).

Điều 2. Vị trí và chức năng

1. Quỹ phát triển đất tỉnh là tổ chức tài chính nhà nước, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, được thành lập theo Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ có chức năng nhận vốn từ nguồn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất và huy động các nguồn khác theo quy định của pháp luật để ứng vốn và chi hỗ trợ trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận.

2. Việc sử dụng Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

**Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 4. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận nguồn vốn từ nguồn thu hàng năm từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh (sau khi trừ các khoản chi để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí có liên quan khác theo quy định của pháp luật).

2. Ứng vốn cho các tổ chức để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm a, b và c khoản 1, Điều 11 của Điều lệ và Quy chế này; thực hiện thu hồi vốn đã ứng theo quy định.

3. Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1, Điều 11 của Điều lệ và Quy chế này.

4. Báo cáo Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đình chỉ, thu hồi vốn đã ứng, kinh phí đã hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, đơn vị vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng, kinh phí hỗ trợ.

5. Quản lý vốn và tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật.

6. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.

7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 5. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức quản lý, điều hành Quỹ hoạt động theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.

2. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan thẩm định nhu cầu chi hỗ trợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; thực hiện chi hỗ trợ theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện thu hồi các khoản chi hỗ trợ theo quy định.

3. Thẩm định hồ sơ đề nghị ứng vốn sau khi đã có ý kiến đồng ý về mặt nguyên tắc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho các tổ chức ứng vốn theo quy định của pháp luật; thực hiện giải ngân vốn ứng cho các tổ chức theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện thu hồi vốn ứng khi đến hạn hoặc thu hồi theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Tham gia kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện chương trình, dự án, đề án đã được Quỹ ứng vốn hoặc hỗ trợ.

5. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về phạm vi, đối tượng được ứng vốn, được chi hỗ trợ từ Quỹ và cơ chế tổ chức, quản lý Quỹ.

6. Ban hành Quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động Quỹ.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 6. Cơ cấu tổ chức của Quỹ, gồm:

- Hội đồng quản lý Quỹ;

- Ban kiểm soát Quỹ;

- Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ.

Điều 7. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có 5 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên, trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, kiêm nhiệm;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ kiêm Giám đốc Quỹ hoạt động theo chế độ chuyên trách;

c) Các thành viên khác là đại diện lãnh đạo các Sở, ngành: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường và Sở Kế hoạch - Đầu tư. Các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình. Hội đồng quản lý Quỹ họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách trong trường hợp cần thiết.

Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng tham dự. Nội dung và kết luận các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ đều phải được ghi thành biên bản hoặc nghị quyết và được gửi đến tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách từ các nguồn thu từ đất và các nguồn vốn khác giao cho Quỹ theo quy định của pháp luật;

b) Được sử dụng con dấu của Quỹ và bộ máy điều hành nghiệp vụ của Quỹ để thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ và một số quy định có liên quan phục vụ hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ;

d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát;

đ) Thông qua kế hoạch tài chính và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ;

e) Ủy quyền cho Giám đốc Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền. Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm cuối cùng đối với các nội dung ủy quyền;

g) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương án biên chế, chế độ tiền lương, tiền thưởng theo cơ chế tài chính đối với Đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự đảm bảo một phần hoặc bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động; phương thức tổ chức, bộ máy quản lý của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;

h) Căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phương thức tổ chức hoạt động của Quỹ, quyết định tổ chức các phòng chuyên môn của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ;

i) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và

trước pháp luật;

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

4. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ phát triển đất.

Điều 8. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát Quỹ có 3 thành viên, gồm đại diện lãnh đạo Sở Tài chính làm trưởng ban; các thành viên khác là đại diện lãnh đạo Sở Tài nguyên & Môi trường, đại diện lãnh đạo Sở Kế hoạch & Đầu tư. Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ; Phó Trưởng ban kiểm soát và các thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ. Thành viên Ban kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

Thành viên Ban kiểm soát Quỹ không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng Quỹ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và tổ chức triển khai thực hiện;

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và người có thẩm quyền về kết quả kiểm tra, giám sát và kiến nghị biện pháp xử lý.

3. Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên của Ban kiểm soát do Trưởng Ban kiểm soát uỷ quyền được tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành nghiệp vụ Quỹ.

5. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép.

6. Trưởng Ban kiểm soát Quỹ phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật nếu có hành vi bao che, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép.

Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban kiểm soát Quỹ, Trưởng ban kiểm soát Quỹ có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Phó Trưởng Ban kiểm soát Quỹ thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban kiểm soát và pháp luật về những nhiệm vụ đã được phân công. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng

mặt, Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền cho Phó Trưởng Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ.

8. Các thành viên Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng các chế độ theo quy định của nhà nước.

9. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ Phát triển đất.

Điều 9. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ có Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng chuyên môn;

a) Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Phó Giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm;

c) Cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của các phòng chuyên môn giúp việc cơ quan điều hành Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách.

2. Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm của Quỹ, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt;

b) Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ và Quy chế này, các chương trình, kế hoạch và quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình tiếp nhận vốn, ứng vốn, chi hỗ trợ và các hoạt động khác của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt hoặc ban hành theo thẩm quyền quy chế làm việc và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ;

đ) Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Quỹ;

e) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định tại Điều lệ và Quy chế này và các quy định của pháp luật.

3. Phó Giám đốc Quỹ thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc Quỹ và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và pháp luật về những nhiệm vụ đã được phân công. Trường hợp Giám đốc Quỹ vắng mặt, Giám đốc Quỹ ủy quyền cho Phó Giám đốc Quỹ thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc Quỹ.

4. Kế toán trưởng Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán.

5. Các phòng chuyên môn của Quỹ gồm có 02 (hai) Phòng:

a) Phòng Hành chính- Kế hoạch-Tổng hợp;

b) Phòng nghiệp vụ.

Các phòng chuyên môn có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giao. Trưởng, phó phòng chuyên môn do Giám đốc Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm.

6. Biên chế của Quỹ: Là biên chế công chức và biên chế sự nghiệp được giao hàng năm trong tổng số biên chế công chức và biên chế sự nghiệp của tỉnh.

Chương IV

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ

Điều 10. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ bao gồm vốn nhà nước cấp và các nguồn vốn khác.

2. Mức vốn nhà nước cấp cho Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khi quyết định thành lập Quỹ. Việc thay đổi vốn nhà nước cấp trong quá trình hoạt động do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh trích 30% từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh (sau khi trừ các khoản chi để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí có liên quan khác theo quy định của pháp luật) để đảm bảo hình thành đủ mức vốn nhà nước cấp cho Quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Các nguồn vốn khác của Quỹ gồm: vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ hoặc ủy thác quản lý của các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ, ủy thác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quy định về quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ

1. Quỹ được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất để tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khu vực đã có quy hoạch phải thu hồi đất mà người sử dụng đất có nhu cầu chuyển nhượng trước khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức phát triển các khu tái định cư phục vụ việc thu hồi đất thực hiện các dự án; tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên quỹ đất đã được giao quản lý để đấu giá;

b) Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

c) Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư tạo quỹ đất, quỹ nhà tái định cư theo quy hoạch;

d) Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ thực hiện các đề án đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp cho các đối tượng bị Nhà nước thu hồi đất;

đ) Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ khoản chênh lệch cho hộ gia đình, cá nhân vào khu tái định cư trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở,

nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu;

e) Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ xây dựng khu tái định cư; hỗ trợ xây dựng các công trình hạ tầng tại địa phương có đất bị thu hồi.

2. Mức ứng vốn để sử dụng cho các nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này do Quỹ phát triển đất thẩm định (sau khi có ý kiến đồng ý về mặt nguyên tắc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Mức chi hỗ trợ cho các nhiệm vụ quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều này do Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 12. Trình tự, thủ tục ứng vốn, chi hỗ trợ

1. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu ứng vốn của các tổ chức được giao nhiệm vụ tại khoản 1 Điều 11 của Điều lệ và Quy chế này và nguồn vốn thực có của Quỹ, Giám đốc Quỹ lập kế hoạch ứng vốn cho các dự án, báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch ứng vốn năm theo nguyên tắc: chi giao tổng nguồn ứng vốn, danh mục các dự án ứng vốn, không giao mức vốn ứng cụ thể cho từng dự án. Mức ứng vốn cụ thể cho từng dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở tiến độ thực hiện, nhu cầu vốn của các dự án và nguồn vốn thực có của Quỹ.

2. Căn cứ nhu cầu ứng vốn của từng dự án, Quỹ thực hiện chi ứng vốn, chi hỗ trợ theo trình tự sau:

a) Tổ chức, nhà đầu tư nhận vốn ứng gửi công văn đề nghị kèm theo các tài liệu cơ sở của dự án (bản chính hoặc bản sao y bản chính, chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư, trừ trường hợp phải bổ sung điều chỉnh) và bản đăng ký kế hoạch ứng vốn;

b) Mức vốn ứng thực hiện theo Quyết định của cấp có thẩm quyền đối với từng dự án.

c) Căn cứ hồ sơ đề nghị ứng vốn, chi hỗ trợ do Tổ chức, nhà đầu tư gửi đến, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Quỹ thực hiện giải ngân ứng vốn cho Tổ chức, nhà đầu tư theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Quỹ có trách nhiệm ban hành quy chế, quy trình ứng vốn, chi hỗ trợ và hoàn trả vốn ứng, chi hỗ trợ cho phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của Quỹ trong từng thời kỳ.

Điều 13. Hoàn trả vốn ứng và các khoản chi hỗ trợ

1. Hoàn trả vốn ứng

Tổ chức được ứng vốn để thực hiện những nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 11 của Điều lệ và Quy chế này có trách nhiệm hoàn trả vốn đã ứng từ các nguồn sau:

a) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch sau đó Nhà nước giao cho nhà đầu tư theo hình thức

giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì được hoàn trả từ vốn đầu tư của dự án;

b) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch sau đó Nhà nước giao cho nhà đầu tư theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thì được hoàn trả từ ngân sách địa phương;

c) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch sau đó đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án trên đất thì được hoàn trả từ tiền đấu giá quyền sử dụng đất hoặc tiền sử dụng đất thu được thông qua đấu thầu trước khi nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định;

d) Đối với vốn ứng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng các khu, điểm, nhà tái định cư để tạo lập quỹ nhà đất phục vụ tái định cư cho người bị thu hồi đất thì được hoàn trả từ nguồn thu tiền sử dụng đất, bán nhà tái định cư của đối tượng được bố trí tái định cư; trường hợp nguồn thu từ tiền sử dụng đất, bán nhà tái định cư không đủ để hoàn trả thì ngân sách địa phương hoàn trả phần chênh lệch.

2. Hoàn trả các khoản chi hỗ trợ

Tổ chức được giao nhiệm vụ chi hỗ trợ cho những nhiệm vụ quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 11 của Điều lệ và Quy chế này có trách nhiệm hoàn trả từ các nguồn sau:

a) Trường hợp các khoản chi hỗ trợ đã nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì nguồn vốn để hoàn trả thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp các khoản chi hỗ trợ không nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì do ngân sách địa phương chi trả; trường hợp ngân sách địa phương chưa bố trí để thực hiện chi trả thì Quỹ có trách nhiệm chi trả và được ngân sách địa phương bố trí hoàn trả.

Điều 14. Thời hạn hoàn trả vốn ứng, các khoản chi hỗ trợ và xử lý rủi ro

1. Thời hạn hoàn trả vốn ứng, các khoản chi hỗ trợ

a) Thời hạn hoàn trả vốn ứng đối với trường hợp nêu tại mục a, khoản 1 Điều 13 là 30 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Thời hạn hoàn trả vốn ứng đối với trường hợp nêu tại mục b, khoản 1 Điều 13 là 30 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định của cấp có thẩm quyền chi ngân sách nhà nước cho dự án hoặc để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất;

c) Thời hạn hoàn trả vốn ứng đối với trường hợp nêu tại mục c, khoản 1 Điều 13 là 10 ngày làm việc kể từ ngày người trúng đấu giá hoặc đấu thầu dự án nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

d) Thời hạn hoàn trả vốn ứng đối với trường hợp nêu tại mục d, khoản 1 Điều 13 là 10 ngày làm việc kể từ ngày thu tiền của đối tượng được bố trí tái định cư hoặc thời điểm có quyết định của cấp có thẩm quyền chi ngân sách để hoàn trả phần chênh lệch.

e) Hoàn trả kinh phí hỗ trợ thực hiện theo khoản 2 Điều 13 của Điều lệ và Quy chế này.

2. Căn cứ phương án hoàn trả vốn ứng và thời hạn ứng vốn của dự án, Quỹ có trách nhiệm đôn đốc thu hồi vốn ứng và các khoản chi hỗ trợ của các tổ chức được ứng vốn và giao nhiệm vụ chi hỗ trợ theo quy định tại Điều 13 của Điều lệ và Quy chế này.

3. Xử lý rủi ro

3.1. Trường hợp xảy ra rủi ro đối với các dự án ứng vốn của Quỹ do nguyên nhân khách quan được xử lý như sau:

a) Trường hợp do chính sách Nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của dự án dẫn đến việc chủ đầu tư gặp khó khăn trong hoàn trả vốn ứng thì tổ chức nhận vốn ứng được xem xét gia hạn nợ; xóa; khoan nợ;

b) Trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn do nguyên nhân khách quan gây thiệt hại tài sản mà các tổ chức nhận vốn ứng không trả được nợ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, thì việc xử lý rủi ro được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3.2. Thẩm quyền xử lý rủi ro:

Trên cơ sở hồ sơ của Tổ chức, Chủ đầu tư, Nhà đầu tư đề nghị xử lý rủi ro xin gia hạn nợ, xóa nợ, khoan nợ; Quỹ phát triển đất chủ trì phối hợp các Sở, ngành liên quan thẩm định, thống nhất tham mưu đề xuất xử lý, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định theo quy định của Pháp luật.

Điều 15. Phí ứng vốn

Khi ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất và các tổ chức khác để sử dụng cho các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 11 của Điều lệ và Quy chế này, Quỹ được thu phí ứng vốn theo quy định sau:

1. Đối với vốn ứng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, mức phí ứng vốn bằng không (= 0).
2. Đối với các khoản ứng vốn chi hỗ trợ, mức phí ứng vốn bằng không (= 0).
3. Đối với vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ khác, mức phí ứng vốn được xác định bằng mức phí ứng vốn ngân sách nhà nước.

Chương V NHẬN ỦY THÁC

Điều 16. Nhận uỷ thác

1. Quỹ được nhận uỷ thác quản lý, sử dụng vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận uỷ thác giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân uỷ thác.
2. Quỹ được nhận uỷ thác quản lý hoạt động của các Quỹ khác thuộc tỉnh.
3. Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận uỷ thác và được hạch toán vào nguồn thu của Quỹ. Mức phí cụ thể được thoả thuận và ghi trong hợp đồng nhận uỷ thác.

Chương VI

CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 17. Cơ chế tài chính

Quỹ thực hiện theo cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động..

Điều 18. Nguồn thu của Quỹ

1. Nguồn thu của Quỹ bao gồm:

a) Kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ theo cơ chế áp dụng đối với Đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí theo quy định của pháp luật;

b) Phí ứng vốn theo quy định tại Điều 15 của Điều lệ và Quy chế này;

c) Lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (nếu có);

d) Nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ và phí nhận ủy thác;

đ) Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn thu của Quỹ quy định tại khoản 1 điều này không bao gồm nguồn vốn nhà nước cấp của Quỹ quy định tại Điều 10 của Điều lệ và Quy chế này.

Điều 19. Nội dung chi

1. Nội dung chi của Quỹ bao gồm:

a) Chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp và văn bản hướng dẫn thực hiện.

Chi cho cán bộ kiêm nhiệm làm việc cho Quỹ theo chế độ quy định; chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý tại khoản 4, Điều 7; Chi phí cho hoạt động của Ban kiểm soát tại khoản 9, Điều 8.

b) Chi không thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức; vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài theo quy định; tinh giản biên chế theo chế độ (nếu có); đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các nhiệm vụ đột xuất do Ủy ban nhân dân tỉnh giao và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

c) Hàng quý và cuối năm, sau khi trang trải các khoản chi phí, xác định số chênh lệch thu lớn hơn chi để trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp được chi trả thu nhập tăng thêm và trích các quỹ khác theo quy định của pháp luật về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Nội dung chi của Quỹ quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm các nội dung chi ứng vốn và hỗ trợ quy định tại Điều 11 của Điều lệ và Quy chế này.

Điều 20. Chế độ kế toán, kiểm toán

1. Quỹ tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê, báo cáo theo đúng các quy định của pháp luật.

2. Việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Các Sở, ngành có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động của Quỹ phát triển đất. Có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng Quỹ đúng quy định, định kỳ báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường tình hình quản lý, sử dụng Quỹ. Trách nhiệm cụ thể của các Sở, ngành như sau:

1. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tình hình quản lý và sử dụng Quỹ phát triển đất theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, hướng dẫn của Bộ tài chính và quy định của pháp luật;

b) Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định mức ứng vốn để chi hỗ trợ theo quy định tại Điều lệ và Quy chế này; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc xây dựng dự toán ngân sách tỉnh hàng năm bổ sung cho Quỹ phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều lệ và Quy chế này Quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan; Đồng thời, phối hợp Sở Kế hoạch & Đầu tư, Quỹ phát triển đất và các Tổ chức có liên quan để bố trí nguồn vốn hoàn trả vốn đã ứng và hoàn trả các khoản chi hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

c) Theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý, sử dụng vốn tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ phát triển đất.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn từ ngân sách tỉnh cho các công trình, dự án để hoàn trả vốn đã tạm ứng từ nguồn vốn quỹ phát triển đất (Các công trình, dự án không nhằm mục đích phát triển quỹ đất).

b) Theo dõi các nguồn vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ hoặc ủy thác quản lý của các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ, ủy thác theo quy định của pháp luật để tạo thêm nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong việc thu hồi đất để lập kế hoạch, phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng khu tái định cư, tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan thẩm tra kế hoạch, phương án thu hồi đất làm cơ sở trong việc đề nghị ứng vốn;

c) Theo dõi kết quả thực hiện chương trình, dự án, đề án tạo quỹ đất, phát triển quỹ đất đã được quỹ ứng vốn và hỗ trợ để phát triển tạo quỹ đất theo đúng quy định của pháp luật.

4. Cục Thuế tỉnh

Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trong lĩnh vực thuế, hướng dẫn, kiểm tra Quỹ phát triển đất chấp hành đúng các quy định của Nhà nước về các luật thuế.

5. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

a) Lập kế hoạch ứng vốn, chi hỗ trợ để thực hiện các dự án, đề án đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho hộ dân bị thu hồi đất; hỗ trợ xây dựng khu tái định; hỗ trợ xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng tại địa phương có đất bị thu hồi và các khoản hỗ trợ khác theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Hàng năm căn cứ vào kế hoạch, nhiệm vụ được giao lập kế hoạch tạm ứng vốn để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng; xây dựng khu tái định cư; thực hiện dự án tạo quỹ đất để đầu tư quyền sử dụng đất trên địa bàn;

c) Chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ứng và các khoản chi hỗ trợ từ Quỹ phát triển đất của tỉnh thực hiện trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định của pháp luật và Điều lệ và Quy chế này.

Điều 22. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, yêu cầu Giám đốc các Sở, thủ trưởng các Ban, ngành, địa phương phản ánh bằng văn bản về Quỹ phát triển đất để tổng hợp, báo cáo Hội đồng quản Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo đúng các quy định của pháp luật. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Hoài